

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 23/8/2023
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÝ - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Q Đại

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Út; 2. Bà Phạm Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÝ, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÝ, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Xuân Q, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Số nhà 154, tổ 15, phường TH, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty cổ phần X BÝ - Địa chỉ: Thôn TV, xã PK, huyện BÝ, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Thanh T: Ông Thạch Hoàng H - Địa chỉ: Thôn TV, xã PK, huyện BÝ, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29/05/2023, các bản tự khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 29/4/2022 đến ngày 18/5/2022 nguyên đơn là ông Mai xuân Q đã bán cho công ty X BÝ 04 xe ván bóc với giá thỏa thuận theo từng thời điểm, giá mua bán không bao gồm chứng từ, hóa đơn mua bán hàng hóa, hai bên thỏa thuận thống nhất tổng giá trị mua bán hàng hóa của 4 xe là 1.004.105.000 đồng. Về phương thức thanh toán: Hai bên thỏa thuận là 15 đến 30 ngày kể từ ngày bị đơn nhận đủ hàng hóa. Thì bị đơn phải trả toàn bộ tiền hàng cho nguyên đơn. Bên bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 04 lần với tổng số tiền là 336.214.000 đồng. Còn nợ lại nguyên đơn

số tiền 667.891.000 đồng. Bị đơn đã ký cho nguyên đơn Giấy nhận nợ ngày 15/11/2022 và Giấy nhận nợ ngày 17/4/2023 để xác nhận toàn bộ khoản nợ trên. Do nhiều lần nguyên đơn yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả và cũng không thực hiện như cam kết trong biên bản xác nhận công nợ nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 667.891.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận trong thời gian từ ngày 29/4/2022 đến ngày 18/5/2022 bị đơn có 04 xe mua ván bóc của ông Mai xuân Q. Về phương thức thanh toán: Hai bên thỏa thuận là 15 đến 30 ngày kể từ ngày bị đơn nhận hàng hóa cùng toàn bộ hồ sơ chứng từ về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật. Thì bị đơn sẽ thanh toán tiền cho nguyên đơn. Tổng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 336.214.000 đồng, bị đơn còn nợ lại số tiền 667.891.000 đồng. Lý do bị đơn chưa thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là do: Hàng hóa nguyên đơn chuyển cho bị đơn chưa có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật là vi phạm thỏa thuận miệng giữa hai bên. Ngoài ra, do bị đơn dừng sản xuất từ ngày 20/5/2022 đến nay, nên tình hình tài chính của bị đơn khó khăn, không có điều kiện để thanh toán cho nguyên đơn. Đối với các biên bản xác nhận công nợ đã ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Do vợ của nguyên đơn nhiều lần gây áp lực cho bị đơn, chửi bới bị đơn, dọa sử dụng xã hội để đòi nợ... Nên bị đơn buộc phải ký biên bản xác nhận công nợ với nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Mai Xuân Q khởi kiện về việc tranh chấp hợp mua bán hàng hóa với bị đơn là Công ty cổ phần X BY có địa chỉ tại huyện BY, tỉnh Lào Cai đồng thời xác định mối quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Từ ngày 29/4/2022 đến ngày 18/5/2022 nguyên đơn là ông Mai Xuân Q đã bán cho công ty X BY 04 xe ván bóc, với trị giá là 1.004.105.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 04 lần với tổng số tiền là 336.214.000 đồng. Còn nợ lại nguyên đơn số tiền 667.891.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 667.891.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giữa hai bên có việc mua bán hàng hóa ván bóc với số lượng là 04 xe hàng, hai bên thực hiện theo hợp đồng miệng với nhau. Bên bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 336.214.000 đồng, còn nợ lại số tiền 667.891.000 đồng. Mặc dù bị đơn có ý kiến hai bên thỏa thuận là 15 đến 30 ngày kể từ ngày bị đơn nhận đủ hàng hóa. Thì bị đơn phải trả toàn bộ tiền hàng cho nguyên đơn. Bị đơn chưa trả số tiền còn lại cho nguyên đơn là do nguyên đơn chưa cung cấp cho bị đơn giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ngày 15/11/2022 và ngày 17/4/2023 bị đơn đã ký kết biên bản xác nhận công nợ giữa nguyên đơn. Qua đó, khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 667.891.000 đồng. Việc này chứng minh cho đến thời điểm bị đơn ký kết xác nhận công nợ với nguyên đơn thì hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn đã được thừa nhận. Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn phải xuất trình các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật là không có căn cứ. Việc bị đơn cho rằng do tình hình tài chính của bị đơn khó khăn nên bị đơn không có điều kiện thanh toán tiền cho nguyên đơn theo như thỏa thuận và do vợ của nguyên đơn nhiều lần gây áp lực cho bị đơn, chửi bới bị đơn, dọa sử dụng xã hội để đòi nợ. Nên bị đơn buộc phải ký biên bản xác nhận công nợ với nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh đối về tình hình tài chính của bị đơn cũng như không có căn cứ về việc bị đơn bị vợ của nguyên đơn chửi bới, đe dọa nên phải miễn cưỡng ký vào giấy xác nhận nợ. Nên ý kiến của bị đơn đối với nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Về phương thức thanh toán trong hợp đồng, khi thỏa thuận miệng là 15 đến 30 ngày kể từ ngày bị đơn nhận hàng hóa. Thì bị đơn phải trả toàn bộ tiền hàng cho nguyên đơn. Sau này, khi bị đơn không thực hiện được như cam kết với nguyên đơn, nên hai bên đã lập biên bản xác nhận công nợ ngày 15/11/2022, theo đó tại phần “2.” hai bên đã thỏa thuận bị đơn sẽ thanh toán số tiền tối thiểu 50 triệu đồng/tháng, tùy thuộc vào năng lực tài chính của bị đơn có thể thanh toán nhiều hơn. Nhưng tính đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn theo như thỏa thuận tại biên bản xác nhận công nợ là vi phạm về điều khoản thanh toán giữa hai bên. Vi phạm điều 440 Bộ luật dân sự: Cụ thể **Điều 440 quy định. “Nghĩa vụ trả tiền: 1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. 2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.**

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả bị đơn số tiền hàng còn nợ lại là 667.891.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về khoản tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 430, 431, 433, 436, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty cổ phần X BY phải hoàn trả cho ông Mai Xuân Q số tiền 667.891.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc Công ty cổ phần X BY phải nộp 30.715.000 đồng (*Ba mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho ông Mai Xuân Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.300.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0001690, ngày 14/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Út - Phạm Thị Dung

Vũ Q Đại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện BY;
- THADS huyện BY;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Q Đại

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh;
- VKSND huyện BT;
- THADS huyện BT;
- UBND xã Trì Q;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên